

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày 28-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thông;

Ông Lê Xuân Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Long T, sinh năm 1997, tại Long An; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Khu phố G, phường B, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phi L và bà Trần Thị Ngọc L1; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 04/7/2023 đến ngày 13/7/2023. Sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Nguyễn Quan L2, sinh năm 1999, tại Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Tổ E, khu phố H, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị A; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 04/7/2023 đến ngày 13/7/2023. Sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại: Bà Trần Thu L3, sinh năm 1976. HKTT: Ấp H, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Nguyễn Long T và Nguyễn Quan L2 được người đàn ông tên N (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) nhờ đến nhà bà Trần Thu L3 đòi nợ số tiền 3.500.000 đồng mà bà L3 còn nợ N.

Khoảng 9 giờ ngày 04/7/2023, đối tượng tên N (không rõ nhân thân lai lịch) đến nơi bị cáo T cư trú tại ấp K, xã A, thị xã B, nói T và L2 đến nhà bà Trần Thu L3 ở ấp H, xã A, huyện D để đòi số nợ 3.500.000 đồng, đồng thời để lại chiếc xe mô tô biển số 64PA-0034 để T làm phương tiện đi đòi nợ. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 04/7/2023, T điều khiển xe mô tô biển số 64PA-0034 chở L2 đến nhà bà L3. Khi đến nơi, T và L2 gọi 2 tô bún riêu ăn (do bà L3 bán quán ăn sáng). Sau khi ăn xong, T kêu bà L3 đến ngồi nơi bàn đá của quán để nói chuyện. Bà L3 đi đến ngồi đối diện hai bị cáo. Bị cáo T nói “Tiền của ông N cô tính sao?”. Bà L3 nói “Giờ cô kẹt quá, ráng cho cô tới ngày 06 tây đi, còn hai ngày nữa hà”. Bị cáo T nói “Bà điện thoại cho tôi nói chuyện với ông N” (do T không mang theo điện thoại). Bà L3 lấy điện thoại của mình bấm gọi cho ông N và đưa điện thoại cho T. T nói chuyện điện thoại với N trước mặt bà L3, “...cô L3 đòi hẹn đến 06 tây mới trả nữa”, N nói “Bắt buộc hôm nay phải gửi tiền”, T nói “Nếu hôm nay cô L3 không gửi tiền thì sao, anh?”, N nói “Nếu hôm nay không gửi tiền thì em giữ điện thoại của bà L3 lại cho anh”, T hỏi lại “Vậy cuối cùng là giữ điện thoại đúng không anh?”, ông N trả lời “Ừ, đúng rồi”. Bị cáo T tắt điện thoại rồi đặt tay cầm điện thoại xuống bàn (tay T vẫn cầm điện thoại của bà L3) và nói với bà L3 “Ông N kêu tôi giữ điện thoại của bà, chừng nào có tiền thì lấy điện thoại lại, chứ hứa hẹn hoài” (bút lục 94, 102), đồng thời kêu L2 lấy sim ra, lúc này bà L3 nói “Ai cho tụi bây giữ như vậy” và chụp lấy tay đang giữ điện thoại của T nói “đưa điện thoại đây” nhưng lúc này tay phải T còn cầm điện thoại nên giật lại và L2 lấy điện thoại từ tay T (bút lục 80, 97, 97, 102, 131, 132, 135). Bị cáo Thành đi ra ngoài nơi để xe mô tô (bà L3 trình bày cách khoảng 05 mét) và lên xe. Bị cáo L2 cũng đứng lên đi ra ngoài, bà L3 nói “sao mày lấy điện thoại tao”, T nói “chừng nào bà trả tiền tôi trả điện thoại lại”, bà L3 đi theo la “Cướp, cướp”, T nói “Bà thiếu tiền người ta mà cướp gì”. Cả hai ngồi lên xe, bà L3 nắm đuôi xe mô tô kéo lại, lúc này, L2 nói “Cây dùi cui đâu đưa em” để đe dọa cho bà L3 sợ (bút lục 129, 131, 132), bà L3 biết không có cây dùi cui nên không sợ, chụp lấy cây gậy của bà Hai Ủ (người khách đang ăn sáng) ném theo. T điều khiển xe chở L2 ngồi sau cầm theo điện thoại của bà L3 đi về hướng xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Khi cả hai đi đến gần vòng xoay A thì bị lực lượng Công an xã A bắt giữ, bàn giao cho Công an xã A.

Cơ quan Công an đã thu giữ, tạm giữ: 01 điện thoại OPPO A57, màu đen, số IMEI 1: 869945065068013, số IMEI 2: 869945065068005; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám, số IMEI: 356986063436836 và 01 xe mô tô nhãn hiệu FERROLI, loại xe hai bánh; số loại 501E, dung tích xi lanh 49, màu sơn đỏ đen, biển số 64PA-0034; số máy: TT29YX1P39FMB035381; số khung: RRKWCB2UM8XB35381.

Bản kết luận định giá số 33/KL-HĐĐG ngày 10/7/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện D (bút lục 65) kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A57, màu đen, số IMEI 1: 869945065068013, số IMEI 2: 869945065068005, mua vào tháng 4/2023, đã qua sử dụng, trị giá 2.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản thiệt hại tài sản là 2.500.000 đồng.

Đối với người đàn ông tên N, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch nên chưa có căn cứ xử lý.

Đối với điện thoại di động hiệu OPPO A57, màu đen, số IMEI 1: 869945065068013, số IMEI 2: 869945065068005, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả lại cho chủ sở hữu là bà Trần Thu L3 theo Quyết định xử lý vật chứng số 19/QĐ-CSĐT ngày 02/8/2023. Bà L3 đã nhận lại điện thoại (bút lục 173) và không có yêu cầu bồi thường gì (bút lục 82).

Đối với xe mô tô nhãn hiệu FERROLI, loại xe hai bánh; số loại 501E, dung tích xi lanh 49, màu sơn đỏ đen, biển số 64PA-0034; số máy: TT29YX1P39FMB035381; số khung: RRKWCB2UM8XB35381. Xe mô tô này do người đàn ông tên N đưa cho các bị cáo T và L2 làm phương tiện đi đòi nợ bà L3. Quá trình xác minh, xác định người đứng tên chủ sở hữu là Thạch Thị Som N1, sinh năm 1982, địa chỉ C, Loan M, T, Vĩnh Long. Hiện tại bà Thạch Thị Som N1 không có mặt ở địa phương, không xác định được đang ở đâu (bút lục 182,184). Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành đăng thông tin tìm chủ sở hữu trên B nhưng không có thông tin phản hồi. Do chưa làm việc được với người đàn ông tên N nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ xe để phục vụ công tác điều tra.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKSĐT ngày 04/3/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Long T và Nguyễn Quan L2 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Long T và Nguyễn Quan L2 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị hại có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm

h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Long T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; bị cáo Nguyễn Quan L2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đề nghị trả cho bị cáo Nguyễn Quan L2 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám, số IMEI: 356986063436836 là tài sản của bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội.

+ Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ xe để phục vụ công tác điều tra đối với xe mô tô nhãn hiệu FERROLI, loại xe hai bánh; số loại 501E, dung tích xi lanh 49, màu sơn đỏ đen, biển số 64PA-0034; số máy: TT29YX1P39FMB035381; số khung: RRKWCB2UM8XB35381.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Long T và Nguyễn Quan L2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không tranh luận với ý kiến luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng, các bị cáo hối hận về việc đã làm, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra và trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị hại Trần Thu L3 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Long T và Nguyễn Quan L2 khai nhận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 04/7/2023, tại nhà bà Trần Thu L3 ở ấp H, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương, sau khi yêu cầu bà L3 trả nợ cho người đàn ông tên N (không rõ nhân thân lai lịch) nhưng bà L3 xin khất lại, theo chỉ đạo của người tên N, các bị cáo đã chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A57, màu đen của bà L3 để buộc bà L3 trả nợ. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 14/CT-VKSĐT ngày 04/3/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng truy tố các bị cáo Nguyễn Long T và Nguyễn Quan L2 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác để buộc trả nợ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Mặc dù bị hại liên tục có hành vi phản kháng để giành lại tài sản của mình, nhưng các bị cáo quyết tâm chiếm đoạt rồi lên xe tàu thoát. Việc cho vay trả góp với lãi suất cao so với quy định của pháp luật là tình trạng đã và đang phát sinh ngày càng nhiều trong xã hội. Do lãi suất cao nên nhiều trường hợp không có khả năng trả nợ như trường hợp bị hại trong vụ án này, dẫn đến lâm vào hoàn cảnh khó khăn hơn. Do vậy cần phải xử các bị cáo với mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công nhau rõ ràng, không có sự cấu kết chặt chẽ. Trong vụ án này, vai trò của các bị cáo là ngang nhau nên chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt bằng nhau

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Các bị cáo phải chấp hành mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám, số IMEI: 356986063436836 là tài sản của bị cáo L2, không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo L2.

[8.2] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu FERROLI, loại xe hai bánh; số loại 501E, dung tích xi lanh 49, màu sơn đỏ đen, biển số 64PA-0034; số máy: TT29YX1P39FMB035381; số khung: RRKWCB2UM8XB35381 do người đàn ông tên N đưa cho các bị cáo làm phương tiện đi đòi nợ bà L3, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người đàn ông tên N nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ xe để phục vụ công tác điều tra.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thu l đã nhận lại toàn bộ tài sản nên không có yêu cầu gì thêm.

[8] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị về tội danh, điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về hình phạt, xử lý vật chứng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 268, 269, 290, 292, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 170, Điều 46, Điều 48, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Long T và Nguyễn Quan L2 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Long T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/7/2023 đến ngày 13/7/2023.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quan L2 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/7/2023 đến ngày 13/7/2023.

2. Xử lý vật chứng: Trả cho bị cáo Nguyễn Quan L2 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám, số IMEI: 356986063436836 (đã qua sử dụng, có chấm đen trên màn hình).

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng đang tạm giữ (*thể hiện Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương*).

III. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Long T và Nguyễn Quan L2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

IV. Quyền kháng cáo:

- Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/3/2024).

- Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT-CAH.Dầu Tiếng;
- CC. THADS huyện Dầu Tiếng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***(Đã ký)***Đỗ Thị Ngọc Lan**